

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **373/2020/DS-PT**  
Ngày: 21/5/2020  
*V/v tranh chấp hợp đồng thi công  
xây dựng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Đào Quốc Thịnh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Phạm Thị Thảo
	Bà Trần Thị Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1891/QĐ-PT ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các bên đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Số 135A P, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Nguyễn N theo Giấy ủy quyền số 28 CUQ-Cty ngày 20/12/2017 (vắng mặt).

*Bị đơn:*

Ông Vũ Thành Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 28, Nguyễn C, Khu phố 4, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Quý Q

Địa chỉ: 4/38, Ấp H, Xã P, Huyện Long Th, Tỉnh N (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Đặng Hải S

Địa chỉ: 106/34/60/2, Nguyễn Văn Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Mai Thăng L

Địa chỉ: Số 1/2A, Tổ 10, Khu phố 6, phường P, thành phố U, Tỉnh N (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 36, đường Phan T, phường Tân T, thành phố O, tỉnh N (vắng mặt).

5. Công ty cổ phần xây dựng Thuận T .

Địa chỉ: Số 49, Lê Quốc H, Phường O, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hải S.

Địa chỉ: 106/34/60/2, Nguyễn Văn Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm*

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2013 và các lời trình bày tại cấp phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/3/2011, Công ty cổ phần X (sau đây gọi là Công ty) ký Hợp đồng giao định mức chi phí được chi số 04/HĐNB/CT (sau đây gọi là Hợp đồng) với ông Vũ Thành Đ (ông Đ là đội trưởng đội thi công của Công ty), với nội dung như sau:

- Ông Đ thi công công trình gói thầu số 28 DT/PMU/CTTK/XL 28/2010, hạng mục công trình trên kênh, thuộc tiểu dự án thủy lợi hồ Dầu Tiếng;

- Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế VAT) 9.730.890.553 đồng (chín tỷ bảy trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

- Công ty là người giám sát, còn việc điều động nhân lực, vật tư thi công là việc của ông Đ.

- Về giá trị nghiệm thu thanh toán, quyết toán nếu lời thì ông Đ được hưởng, lỗ thì ông Đ tự chịu. Công ty chỉ giữ lại 14% giá trị hợp đồng theo từng đợt tiền mà chủ đầu tư thanh toán, trong đó Công ty phải nộp thuế là 10%.

Thực hiện hợp đồng, sau khi ngừng thi công, hai bên đối chiếu công nợ theo Biên bản ngày 20/12/2012 thì ông Đ nợ Công ty xây dựng 4 số tiền 461.000.636 đồng.

Nay Công ty yêu cầu ông Vũ Thành Đ trả ngay số tiền 461.000.636 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật, giao nhận tiền tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Công ty không yêu cầu tính tiền lãi.

Công ty chỉ khởi kiện đối với cá nhân ông Đ, việc ông Đ khai trách nhiệm trả nợ cho Công ty còn thuộc về một số người gồm: ông Đặng Quý Q, ông

Đặng Hải S, ông Mai Thăng L và Công ty cổ phần xây dựng Thuận T, Công ty không kiện những người này vì Công ty chỉ giao dịch với ông Vũ Thành Đ.

*Bị đơn - ông Vũ Thành Đ trình bày:*

Xác nhận việc hai bên ký kết Hợp đồng và ký Biên bản ngày 20/12/2012 như đại diện nguyên đơn trình bày. Về yêu cầu của Công ty, ông có ý kiến như sau:

Ông chỉ là người đại diện cho đội ký hợp đồng để thực hiện công trình gói thầu. Trước khi ký hợp đồng với Công ty, tất cả các anh em trong đội có đến gặp Ban lãnh đạo công ty để đề nghị ký hợp đồng với Công ty cổ phần xây dựng Thuận T nhưng Công ty không đồng ý.

Sau đó, ông thành lập đội trên cơ sở sự tự nguyện của các thành viên trong đội, hoàn toàn không có quyết định thành lập đội hay quy chế hoặc văn bản thỏa thuận gì giữa các thành viên trong đội. Đội cũng thống nhất để ông làm đội trưởng nhưng không lập thành bằng văn bản.

Ông có lập danh sách ngày 01/3/2011 và gửi danh sách đội cho Công ty. Tuy nhiên, trong danh đội có một số người gồm: Phạm Ngọc Ước, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Hồng Tuyền, Lê Văn Tân, Nguyễn Tuấn Anh, Lê Đăng Bình, những người này chỉ làm công nhận lương, không liên quan gì đến công nợ với Công ty. Đối với ông Đặng Quý Q, ông Đặng Hải S phải chịu trách nhiệm. Ngoài ra, quá trình thực hiện sau còn có sự tham gia của ông Nguyễn Thanh D, ông Mai Thăng L cũng là người phải chịu trách nhiệm.

Ông ký kết hợp đồng với Công ty nhưng thực tế ông được ông Q, ông D, ông S, ông L nhờ ký kết hợp đồng. Ông Q, ông D, ông S, ông L là những người trực tiếp nhận và thực hiện gói thầu.

Ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Công ty. Công nợ phát sinh từ gói thầu 28 là trách nhiệm của ông Đặng Quý Q, ông Đặng Hải S, ông Nguyễn Thanh D và ông Mai Thăng L, vì khi thi công thì các ông này tự bỏ tiền ra làm và được hưởng lợi nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Đặng Hải S trình bày:* Cá nhân ông không nợ đối với ông Vũ Thành Đ cũng như Công ty bất cứ một khoản tiền nào. Trách nhiệm liên quan khi thực hiện Gói thầu số 28 là của Công ty cổ phần xây dựng Thuận T. Ông chỉ là người làm việc cho Công ty cổ phần xây dựng Thuận T.

*Công ty cổ phần xây dựng Thuận T có ông Đặng Hải S là người diện theo pháp luật trình bày:* Căn cứ trên Bảng theo dõi công nợ ngày 07/5/2014, thì Công ty cổ phần xây dựng Thuận T còn phải trả cho Công ty thông qua ông Vũ Thành Đ, số tiền là: 30.023.485 đồng (ba mươi triệu không trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Trách nhiệm hoàn trả khoản nợ trên được căn cứ vào thỏa thuận phân chia lợi nhuận, cụ thể như sau: Ông Mai Thăng L, phải trả số tiền

$(1/3 \times 30.023.485 \text{ đồng}) = 10.007.828 \text{ đồng}$ ; Công ty cổ phần xây dựng Thuận T, phải trả số tiền  $(2/3 \times 30.023.485 \text{ đồng}) = 20.015.657 \text{ đồng}$ .

Công ty cổ phần xây dựng Thuận T đồng ý trả số tiền 30.023.485 đồng (ba mươi triệu không trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng) cho ông Vũ Thành Đoàn, nếu ông Đ có yêu cầu, còn việc đòi lại số tiền 10.007.828 đồng từ ông Mai Thăng L thì Công ty cổ phần xây dựng Thuận T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, Công ty cổ phần xây dựng Thuận T khi thực hiện Gói thầu số 28, ngoài các khoản chi mua vật tư, thanh toán tiền khoán cho các đội nhân công đã được thực hiện, thì những khoản chi sau Công ty cổ phần xây dựng Thuận T cần được thu hồi: Chi cho ông Mai Thăng L để đi quan hệ với các sở ngành ở Tây Ninh, chưa được ông L giải trình, cần thu hồi số tiền 155.000.000 đồng Bên cạnh đó, ông Mai Thăng L phải có trách nhiệm góp số vốn 500.000.000 đồng như đã cam kết với công ty; ông Đặng Quý Q thực hiện thi công tại gói thầu số 28, chưa được ông Q giải trình, cần thu hồi số tiền 95.000.000 đồng. Đối với các yêu cầu trên của Công ty cổ phần xây dựng Thuận T với ông L và ông Q thì công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

*Ông Mai Thăng L trình bày:* Ông hoàn toàn không có lợi ích gì trong quá trình thực hiện gói thầu số 28, ông cũng không phải là nhân viên của Công ty và cũng không thỏa thuận góp vốn với Công ty cổ phần xây dựng Thuận T. Ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu gì. Đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

*Ông Đặng Quý Q trình bày:* Ông xác định không liên quan gì đến nợ với Công ty. Danh sách ban chỉ huy công trường ngày 01/3/2011 chỉ là danh sách nhân sự, không có ý nghĩa xác định trách nhiệm thanh toán công nợ cho Công ty. Ông chỉ giữ vai trò đứng ra tổ chức thi công công trình và tìm kiếm các nhà thầu phụ các đội. Ông không có yêu cầu, không tranh chấp gì và đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty cổ phần X. Buộc bị đơn – ông Vũ Thành Đ trả cho Công ty cổ phần X số tiền 461.000.636 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu đồng), thời hạn trả là 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giao nhận tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm,*

Ngày 12/7/2016, ông Vũ Thành Đ là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Bị đơn trình bày:*

Ông không đồng ý số tiền nợ là 461.000.636 đồng theo nhận định của Bản án sơ thẩm. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/12/2012, thì ngoài số tiền công nợ của gói thầu PMU (tức gói thầu số 28) còn các khoản nợ khác không thuộc gói thầu số 28, do đó nguyên đơn phải trừ đi các khoản tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2019, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự đối chiếu công nợ của Hợp đồng để tách trong phần nợ của Hợp đồng trong Biên bản ngày 20/12/2012, nhưng Công ty đã không có thiện chí đối chiếu.

Ông xác nhận tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2014, ông thừa nhận trong số tiền nợ của Bảng đối chiếu công nợ 461.000.636 đồng thì chỉ có 332.000.636 đồng số nợ của gói thầu số 28. Tuy nhiên hôm nay ông mới tìm được các chứng cứ liên quan đến gói thầu số 28 nên số nợ liên quan đến gói thầu này sẽ không phải số tiền 332.000.636 đồng mà là số tiền 306.732.016 đồng. Tuy nhiên số tiền này còn phải trừ đi nhiều chi phí khác nên không chính xác còn lại số nợ là bao nhiêu.

Mặt khác, đối với số nợ của gói thầu số 28 nếu có thì các thành viên trong đội đều phải cùng trả số tiền nợ.

Do đó, ông không đồng ý với bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, cụ thể: Hủy bản án sơ thẩm để xác định rõ số nợ của gói thầu số 28 và trách nhiệm thanh toán của các ông D, ông Q, ông S, ông L và Công ty cổ phần xây dựng Thuận T.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt:*

*Ông Đặng Quý Q, ông Mai Thăng L, ông Đặng Hải S, ông Nguyễn Thanh D và Công ty Cổ phần xây dựng Thuận T vắng mặt.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

*Về hình thức:* Đơn kháng cáo của đương sự làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

*Về nội dung kháng cáo:*

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/7/2013, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ liên quan đến Hợp đồng ngày 09/3/2011 được ký kết giữa hai bên liên quan đến công trình thuộc Gói thầu số 28 và các công trình khác.

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty xác định chỉ khởi kiện đối với số nợ của Hợp đồng của công trình gói thầu số 28 DT/PMU/CTTK/XL 28/2010, hạng mục công trình trên kênh, thuộc tiểu dự án thủy lợi hồ Dầu Tiếng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2019 đại diện nguyên đơn cũng xác nhận đơn khởi kiện Công ty xác định chỉ khởi kiện đối với số nợ của Hợp đồng.

Như vậy phạm vi xét xử của vụ án này chỉ là số nợ phát sinh từ Hợp đồng của công trình gói thầu số 28 DT/PMU/CTTK/XL 28/2010, hạng mục công trình trên kênh, thuộc tiểu dự án thủy lợi hồ Dầu Tiếng. Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc đối chất khi có mâu thuẫn về số nợ xuất phát từ việc thực hiện Hợp đồng và chấp nhận toàn bộ số nợ 461.000.636 đồng thể hiện trong Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/12/2012 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất làm rõ được. Sai sót này không khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1]. Về hình thức:*

Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Vũ Thành Đ trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận. Việc kháng cáo và nộp biên lai tạm ứng án phí được đương sự thực hiện trong hạn luật định nên được chấp nhận.

*Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự :* Do ông Đặng Quý Q, ông Mai Thăng L có đơn xin xét xử vắng mặt; Đại diện Công ty, ông Đặng Hải S, ông Nguyễn Thanh D và Công ty Cổ phần xây dựng Thuận T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

#### *[2]. Về nội dung kháng cáo.*

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/7/2013 (bút lục số 28-29), nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ liên quan đến Hợp đồng ngày 09/3/2011 được ký kết giữa hai bên liên quan đến công trình thuộc Gói thầu số 28 và các công trình khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2014 (bút lục 78-79) và tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 232-233), đại diện Công ty xác định chỉ khởi kiện đối với số nợ của Hợp đồng của công trình gói thầu số 28 DT/PMU/CTTK/XL 28/2010, hạng mục công trình trên kênh, thuộc tiểu dự án thủy lợi hồ Dầu Tiếng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2019 đại diện nguyên đơn cũng xác nhận đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Công ty xác định chỉ khởi kiện đối với số nợ của Hợp đồng.

Như vậy phạm vi xét xử của vụ án này chỉ là số nợ phát sinh từ Hợp đồng của công trình gói thầu số 28 DT/PMU/CTTK/XL 28/2010, hạng mục công trình trên kênh, thuộc tiểu dự án thủy lợi hồ Dầu Tiếng.

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/12/2012, Biên bản hòa giải ngày 07/5/2014 và sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2019 thì ngoài khoản nợ gói thầu số 28, thì số nợ thể hiện trong Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/12/2012 còn các khoản nợ của công trình khác ngoài Hợp đồng .

Tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2014, bị đơn thừa nhận trong số tiền nợ của Bảng đối chiếu công nợ 461.000.636 đồng thì chỉ có 332.000.636 đồng là nợ của Hợp đồng, còn lại 129.000.000 đồng là của các công trình khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/11/2019, các bên đã đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự đối chiếu công nợ của Hợp đồng để tách trong phần nợ của Hợp đồng trong Biên bản ngày 20/12/2012, nhưng đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn xác định các bên không thực hiện việc đối chiếu.

Do cấp sơ thẩm không thực hiện việc đối chất khi có mâu thuẫn về số nợ xuất phát từ việc thực hiện Hợp đồng và chấp nhận toàn bộ số nợ 461.000.636 đồng thể hiện trong Bảng đối chiếu công nợ ngày 20/12/2012 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất làm rõ được. Sai sót trong thu thập chứng cứ và chứng minh là không thể bổ sung được ở cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận A, chuyển hồ sơ vụ án cho TAND Quận A giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. *Về án phí:*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xử lý khi TAND Quận A giải quyết lại vụ án.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Vũ Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Vũ Thành Đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Thành Đ.

***Tuyên xử:***

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng giữa: nguyên đơn Công ty Cổ phần X và bị đơn ông Vũ Thành Đoàn; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**2. Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Vũ Thành Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/04683 ngày 12/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2 (kèm hồ sơ);
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Quốc Thịnh**